

Số: 107/2024/DS-ST

Ngày: 20/5/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hơn.
- Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ trụ sở: 201 – B C, Phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền khởi kiện:

Ông Huỳnh Thế L – Giám đốc chi nhánh B.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Lê Hồng T – Phó Giám đốc chi nhánh B. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phi Long L1, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: 3, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người diện theo ủy quyền của ông S:

Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Kỳ S1, sinh năm 1945. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1946. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: 3, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người diện theo ủy quyền của ông S1:

Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 27/02/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, người được ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông **Lê Hồng T** có lời trình bày:

Ngày 21/04/2022, Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B (sau đây gọi là **N1**) và ông **Nguyễn Phi Long L1** đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) để cấp tín dụng cho ông **Nguyễn Phi Long L1** với số tiền 350.000.000đồng với các chi tiết cụ thể như sau:

- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay vốn: NNNT (Mua bán trái cây các loại)
- Lãi suất: 11%/năm
- Trả nợ gốc: Vào ngày 22, định kỳ 03 tháng/lần, mỗi lần trả vào 17.500.000 đồng

- Trả nợ lãi: Vào ngày 22 hàng tháng theo dư nợ thực tế

Để đảm bảo cho khoản cấp tín dụng trên ông **Nguyễn Phi Long L1** có thể chấp cho **N1** Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12 tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 177917, sổ vào sổ cấp GCN CS05959 do **Sở T2**, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/01/2016 cho ông **Nguyễn Phi Long L1** theo Hợp đồng thế chấp tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 0066/2022/601-TD-BĐ ngày 21/04/2022 số công chứng 3237. Việc thế chấp đã được **Văn phòng C** chứng thực ngày 21/04/2022 và được đăng ký thế chấp ngày 21/04/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 22/04/2022 **N1** đã giải ngân cho **Nguyễn Phi Long L1** vay số tiền là 350.000.000đồng theo **K1** ước nhận nợ/Giấy nhận nợ số 01/GNN-0080/2022/601-TD-CV ngày 22/04/2022. Trong quá trình vay **Nguyễn Phi Long L1** đã trả cho **N1** số tiền nợ gốc trong hạn là 94.479.100 đồng, lãi trong hạn là 51.039.817đồng. Tạm tính đến ngày 20/5/2024, **Nguyễn Phi Long L1** còn nợ **N1** số tiền như sau:

- Nợ gốc: 255.520.900đồng
- Nợ lãi trong hạn: 31.394.341đồng
- Nợ lãi quá hạn: 2.634.794đồng
- Nợ phạt chậm trả lãi: 1.238.697đồng
- Thẻ tín dụng dự kiến tính đến ngày 20/5/2024: 24.400.000đồng

(Chi tiết theo Bảng tính lãi đính kèm)

Tổng cộng: 315.188.434đồng.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, **Nguyễn Phi Long L1** có nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn và đầy đủ cho **N1**, tuy nhiên kể từ ngày 01/08/2023, **Nguyễn Phi Long L1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **N1** mặc dù **N1** đã lập biên bản nhắc nợ đến **Nguyễn Phi Long L1** đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, đến nay ông **Nguyễn Phi Long L1** vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho **N1**. Như vậy, việc ông **Nguyễn Phi Long L1** không thực hiện nghĩa

vụ trả nợ cho **N1** là vi phạm Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/04/2022 mà các bên đã ký kết.

N1 yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông **Nguyễn Phi Long L1** phải trả cho **N1** một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các khoản sau:

a. Số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2024 là 315.188.434đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 255.520.900đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 31.394.341đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 2.634.794đồng.
- Nợ phạt chậm trả lãi: 1.238.697đồng.
- Thẻ tín dụng dự kiến tính đến ngày 20/5/2024: 24.400.000đồng.

b. Số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/04/2022 kể từ ngày 21/5/2024 cho đến ngày Ông **Nguyễn Phi Long L1** thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ cho **N1**.

Trong trường hợp **Nguyễn Phi Long L1** không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ thì **N1** được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12 tại **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 177917, số vào sổ cấp GCN CS05959 do **Sở T2**, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/01/2016 cho ông **Nguyễn Phi Long L1**. Trường hợp nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông **Nguyễn Phi Long L1** có nghĩa tiếp tục thanh toán phần nợ còn lại cho **N1**.

*Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 27/02/2024, bị đơn ông **Nguyễn Phi Long L1** có lời trình bày:*

Phía bị đơn thống nhất với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông thừa nhận còn nợ **Ngân hàng N1** số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2024 (Ngày hòa giải thành) là 300.765.452đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 255.520.900đồng
- Nợ lãi trong hạn: 22.026.986đồng
- Nợ lãi quá hạn: 642.164đồng
- Nợ phạt chậm trả lãi: 575.402đồng
- Thẻ tín dụng: 22.000.000đồng
- Tổng cộng: 300.765.452đồng.

Bị đơn đồng ý trả lại cho Ngân hàng số tiền này và số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/04/2022 kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi tất nợ.

Trong trường hợp ông không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ thì **N1** được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12 tại **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 177917, số vào sổ cấp GCN: CS05959 do **Sở T2**, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/01/2016 cho bị đơn ông **L1**. Trường hợp nếu số tiền thu được từ phát mãi tài

sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn có nghĩa tiếp tục thanh toán phần nợ còn lại cho **N1**.

Ngày 04/3/2024, bị đơn ông **L1** có đơn thay đổi ý kiến tại buổi hòa giải ngày 27/02/2024, xin trả từ từ với lý do tài sản đảm bảo thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre** có căn nhà trên đất, căn này là nơi ở duy nhất của gia đình ông **L1**. Hiện mẹ ông **L1** là người cao tuổi bị bệnh nặng thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng. Ngoài căn nhà trên đất kể trên gia đình ông **L1** không còn nơi ở nào khác vì vậy nếu Ngân hàng phát mãi tài sản để thi hành án thì cha mẹ bị đơn ông **L1** không có nơi ở.

*Theo đơn yêu cầu tham gia tố tụng ngày 04/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Kỳ S1**, bà **Nguyễn Thị K** có lời trình bày:*

Ông bà là cha ruột của bị đơn **Nguyễn Phi Long L1** trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng TMCP N**. Hiện tại ông bà sống với con trai là **Nguyễn Phi Long L1** tại căn nhà trên thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại **ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Ngoài căn nhà trên đất kể trên ông bà không còn nơi ở nào khác, hiện tại tuổi ông bà đã cao, bà **K** bị bệnh vừa mổ xong, sức khỏe vô cùng yếu, thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng nên không có điều kiện để tạo lập nơi ở mới. Việc ông **L1** thế chấp đất để vay tiền **Ngân hàng TMCP N** thì ông bà không hề hay biết, ông bà cũng không có ký giấy tờ vay vốn tại Ngân hàng, căn nhà trên đất không có thế chấp cho Ngân hàng nên việc **L1** cam kết với Ngân hàng cho phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất liên quan đến căn nhà kể trên ông bà không đồng ý.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đề nghị giải quyết vụ án theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có ủy quyền bằng văn bản hợp lệ cho người khác tham gia tố tụng vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Bà **Nguyễn Thị K** vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà **K** là đúng quy định.

Ông Nguyễn Kỳ S1 và Nguyễn Thị K trong đơn khởi kiện của nguyên đơn không nêu nhưng Hội đồng xét xử cần phải quyết định đưa các đương sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ngày 21/04/2022, Ngân hàng TMCP N - Chi Nhánh B (sau đây gọi là N1) và ông Nguyễn Phi Long L1 đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) để cấp tín dụng cho ông Nguyễn Phi Long L1 với số tiền là 350.000.000đồng.

Tạm tính đến ngày 20/5/2024, Nguyễn Phi Long L1 còn nợ N1 số tiền 315.188.434đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 255.520.900đồng, nợ lãi trong hạn: 31.394.341đồng, nợ lãi quá hạn: 2.634.794đồng, nợ phạt chậm trả lãi: 1.238.697đồng và thẻ tín dụng dự kiến tính đến ngày 20/5/2024: 24.400.000đồng.

Phía ông L1 đồng ý trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2024 (Ngày hòa giải thành) là 300.765.452đồng này và số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/04/2022 tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 28/02/2024 cho đến ngày thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ cho N1 và trường hợp ông không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ thì N1 được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm.

Tuy nhiên nay ông thay đổi ý kiến xin trả từ từ với lý do tài sản đảm bảo thừa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre có căn nhà trên đất, căn này là nơi ở duy nhất của gia đình ông. Hiện mẹ ông là người cao tuổi bị bệnh nặng thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng. Ngoài căn nhà trên đất kể trên gia đình ông không còn nơi ở nào khác vì vậy nếu Ngân hàng phát mãi tài sản để thi hành án thì cha mẹ ông không có nơi ở.

Do các bên không thống nhất quyền và nghĩa trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng vì vậy phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) ngày 21/4/2022 để cấp tín dụng cho Nguyễn Phi Long L1 với số tiền là 350.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ gốc chia thành nhiều kỳ. Việc xác lập hợp đồng do hai bên tự nguyện. Khi đến thời hạn thanh toán, N1 đã nhiều lần thông báo cho bị đơn yêu cầu trả nợ gốc, lãi thông qua các biên bản xử lý thu hồi nợ quá hạn, giấy cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng, biên bản làm việc thu hồi nợ vay.

Bị đơn ông L1 cũng thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng N như đơn khởi kiện vào 27/02/2024, số tiền nợ tăng thêm đến nay 315.188.434đồng là do tiền lãi phát sinh tiếp tục sau ngày 27/02/2024 vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc bị đơn thay đổi ý kiến xin trả từ từ với lý do tài sản đảm bảo thừa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre có căn nhà trên đất, căn này là nơi ở duy nhất của gia đình ông. Hiện mẹ ông là người cao tuổi

bị bệnh nặng thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng. Ngoài căn nhà trên đất kê trên gia đình anh không còn nơi ở nào khác vì vậy nếu Ngân hàng phát mãi tài sản để thi hành án thì mẹ con ông không có nơi ở. Xét ý kiến này của ông là không phù hợp với lý do Hợp đồng thế chấp tài sản do ông tự nguyện trực tiếp ký tên, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đều do ông đứng tên theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0066/2022/601-TD-BĐ ngày 21/4/2022 và vào thời điểm ký hợp đồng thế chấp cha và mẹ ông đều không có ý kiến gì. Đối với nơi ở của cha, mẹ ông nếu có phát sinh sẽ được thỏa thuận giải quyết trong giai đoạn thi hành bản án.

[3] Về tiền lãi hai bên thỏa thuận tại khoản 2 Điều 1 theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV. Nhận thấy, lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng vay và cũng phù hợp quy định tại Điều 91 luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[4] Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0066/2022/601-TD-BĐ ngày 21/4/2022, trong trường hợp ông Lâm không thanh toán tất nợ cho N1 thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. N1 có yêu cầu nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Phi Long L1 có nghĩa tiếp tục thanh toán phần nợ còn lại cho N1 là phù hợp với thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải trả theo quy định số tiền $315.188.434 \text{đồng} \times 5\% = 15.759.421 \text{đồng}$.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68 và Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phi Long L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N (Chi nhánh B đại diện nhận) số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày là 20/5/2024 là 315.188.434đồng

Ông Nguyễn Phi Long L1 còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP N (Chi nhánh B đại diện nhận) theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/4/2022 tính từ ngày 21/5/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Phi Long L1 không thanh toán hết các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 0080/2022/601-TD-CV ngày 21/4/2022 cho Ngân hàng

TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12 tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 177917, số vào sổ cấp GCN CS05959 do Sở T2, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/01/2016 cho Nguyễn Phi Long L1 để thu hồi nợ.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Phi Long L1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần nợ còn lại cho N1.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Phi Long L1 có nghĩa vụ chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 15.759.421đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP N (Chi nhánh B đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.519.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001382 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường